

VAI TRÒ CỦA OLIVER CROMWELL TRONG GIAI ĐOẠN CẦM QUYỀN (1649 - 1658) ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGOẠI THƯƠNG ANH

Trần Ngọc Dũng

Khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm Hà Nội

"*Ngoại thương là sự giàu có của quốc vương, là danh dự của vương quốc, là sứ mệnh cao quý của thương nhân, là sự tồn tại của chúng ta và là công ăn việc làm của người nghèo ở nước ta, là sự cải thiện đất đai chúng ta, là trường học của các thủ lĩnh chúng ta, là động lực chiến tranh của chúng ta, là sự khùng khiếp của kẻ thù của chúng ta*"¹. Chỉ từng ấy câu văn thôi, Thomas Mun đã khái quát lên giá trị và ý nghĩa vô cùng to lớn của ngoại thương đối với sự phát triển của toàn bộ nước Anh trong giai đoạn đầu đi lên chủ nghĩa tư bản. Sự phát triển của "*chủ nghĩa trọng thương*" đã trở thành điểm nhấn quan trọng trong tiến trình lịch sử chủ nghĩa tư bản Anh. Do đó, mọi vấn đề từ kinh tế cho đến chính trị, văn hóa, xã hội đều thấm đẫm màu sắc "*trọng thương*". Trong hoàn cảnh đó, một yêu cầu cấp thiết đối với nhà nước chính là việc bảo đảm mọi điều kiện để phát triển ngoại thương. Chế độ phong kiến Anh dưới thời Charles I mặc dù đã có những biện pháp kích thích sự phát triển của ngoại thương, làm giá trị ngoại thương tăng 10 lần

trong giai đoạn 1610 - 1640², nhưng so với triều đại của Nữ hoàng Elizabeth thì vẫn chưa có được sự tương xứng và chưa đem đến sự hài lòng cho tầng lớp thương nhân. Chính vì thế, cuộc cách mạng tư sản Anh đã lật đổ chế độ phong kiến, đưa đến sự thiết lập nhà nước tư sản mà người đại diện tiêu biểu là Oliver Cromwell³. Với vai trò của một Bảo hộ công (Lord Protector), ông không chỉ có những chính sách đưa nền kinh tế tư bản đi lên mà còn đặc biệt chú ý đến sự phát triển của ngoại thương. Những chính sách toàn diện về cải cách quân đội, xâm lược, chiến tranh..., xét một cách sâu xa, chính là những biện pháp vô cùng phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nền ngoại thương Anh trước sự cạnh tranh của Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha,...

² Michel Beaud, sđd, tr. 61.

³ Oliver Cromwell (1599 - 1658), sinh ra ở Huntingdon trong một gia đình quý tộc nhỏ, là một tín đồ Thanh giáo, người đã tham gia vào phe Nghị viện trong cuộc Nội chiến Anh (1642 - 1649), và là người thứ ba kí vào lệnh tử hình vua Charles I. Trong nội chiến, ông đã xây dựng một đội quân thiện chiến là "*đội quân sườn sắt*", sau này trở thành hình mẫu cho hệ thống quân đội mới của nước Anh. Ông là người nắm quân đội trong thời gian Cộng hòa (1649 - 1652) và sau đó thu tóm mọi quyền lực lập pháp, hành pháp và quân đội trong giai đoạn Bảo hộ công (1653 - 1658).

¹ Michel Beaud, 2002, *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, Thế giới, Hà Nội, tr. 62, dẫn theo P.Deyon, *Chủ nghĩa trọng thương*, tr. 54.

1. Vai trò trong việc thiết lập chính quyền và lực lượng hải quân vững mạnh bảo đảm cho sự phát triển của ngoại thương

Oliver Cromwell lên cầm quyền với sự tin tưởng và ủng hộ của bộ phận thương nhân nên mục tiêu trước mắt mà ông thực hiện chính là củng cố quyền lực của mình và những lực lượng ủng hộ, đồng thời đưa ra những biện pháp làm giàu hơn nữa cho họ.

Triều đại của Charles I sụp đổ do không đảm bảo được quyền lợi của đại đa số quần chúng nhân dân, đặc biệt là tư sản công thương, chính là bài học nhãn tiền cho chính quyền mới của Cromwell. Dù là dưới chế độ Cộng hòa (1649 - 1652) hay sau này là Bảo hộ công (1653 - 1658), ưu tiên hàng đầu của ông vẫn là sự mở rộng của thương mại Anh. Để thực hiện được điều đó, trước hết, ông đã tìm cách xây dựng một chính quyền thực sự có quyền lực. Trong giai đoạn nền Cộng hòa, mà thực chất là nền chuyên chính tư sản trong tay các tướng lĩnh phái Độc lập, Cromwell đóng một vai trò quan trọng trong Nghị viện Rump⁴. Với vai trò là một trong những thành phần chủ chốt nhất của Nghị viện, lại là người nắm quyền lãnh đạo lực lượng quân đội, Cromwell có điều kiện thuận lợi để tiến hành cải cách, đem đến quyền lực

cho quân đội và tư sản thương mại ủng hộ ông trong thời gian nội chiến.

Tuy nhiên, việc thiết lập một bản Hiến pháp mới đã gây ra mâu thuẫn giữa ông với Nghị viện. Cromwell muốn thiết lập một chế độ mới mà trong đó quân đội có quyền lực lớn với những nguyên tắc nhất định, ngược lại, Nghị viện muốn xây dựng Hiến pháp trên tinh thần tự do và dân chủ. Để đảm bảo hơn nữa quyền lực của mình, năm 1653, ông đã dẹp bỏ Nghị viện Rump, lập ra Nghị viện Barebone⁵ bao gồm những phần tử Thanh giáo tiến bộ thuộc phe quân đội được biết đến dưới tên gọi "*Praise-God Barebone*"⁶. Nghị viện này đã đưa ra một Pháp lệnh mới (Instrument of Government), công nhận Cromwell là Bảo hộ công của Vương quốc Anh. Ông đã trở thành một vị vua không thể bị phế truất, tức là có quyền lập người thừa kế chức vụ Bảo hộ công của mình⁷. Mặc dù có sự tồn tại của Nghị viện, Hội đồng Nhà nước, nhưng căn bản Cromwell đã tự mình nắm lấy quyền lực. Trong phiên họp đầu tiên của Nghị viện mới đã có một số ít đại biểu lên án bản Pháp lệnh này và tìm cách tước bỏ quyền lực trong quân đội của Cromwell nhưng bất thành⁸, chứng tỏ sự thâm tóm quyền hành của ông là rất lớn. Đến năm

⁴ Tháng 12/1648, một nhóm lính có vũ trang dưới sự chỉ huy của đại tá Thomas Pride đã tiến hành khai trừ bộ phận nghị viện muốn thương lượng với Charles I trong quá trình nội chiến (hay còn gọi là Sự thanh lọc của Pride). Sau sự kiện đó, Nghị viện chỉ còn những thành viên muốn tiếp tục nội chiến chống nhà vua, lật đổ chế độ phong kiến, xây dựng chế độ mới tư bản chủ nghĩa và được gọi là Nghị viện Rump.

⁵ Nghị viện này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (1653 - 1655), mặc dù bao gồm hầu hết những phần tử ủng hộ Cromwell.

⁶ Đây là những người Thanh giáo rất cuồng tín, chỉ duy nhất tin vào Chúa và luôn ủng hộ quyền lực của Cromwell. (Nguồn: Corelli Barnett, 1974, *Britain and her army 1509 - 1970: amilitary, political and social survey*, Penguin books, Middlesex, p. 106).

⁷ Corelli Barnett, sđd, p.106.

⁸ Corelli Barnett, sđd, p.107.

1655, Nghị viện này đã bị giải tán bởi chính người lập ra nó. Hành động này đối với nhiều học giả như David Hume, Christopher Hill là độc tài, mất dân chủ⁹. Nhưng xét theo mục tiêu xây dựng một cường quốc vững mạnh, đó là một chính sách phù hợp với hoàn cảnh nước Anh, tạo điều kiện thuận lợi để củng cố địa vị quốc tế của Anh. Bên cạnh việc loại bỏ những rào cản trong nước, Cromwell cũng tích cực đưa ra những hành động rắn đe với các thuộc địa có ý tưởng chống đối. Việc Virginia, Maryland tuyên bố trung thành với triều đình phong kiến cũ đã dẫn đến một cuộc phong tỏa hải quân ngay lập tức với những thuộc địa này¹⁰, những người đứng đầu đã bị thay thế bằng những viên chức có tinh thần ủng hộ chính phủ mới. Xét trong hoàn cảnh quốc tế, khi mà Hà Lan chưa có sự thống nhất hoàn toàn nền chính trị, Pháp vẫn ở trong chế độ phong kiến lạc hậu thì một chính quyền mới vững mạnh của giai cấp tư sản, quý tộc mới với chủ trương “trọng thương” thực sự là đòn bẩy quan trọng cho sự phát triển của ngoại thương. Do đó, nhiều học giả đã coi đây là một nguyên nhân quan trọng lí giải việc Anh giành thắng lợi trước Hà Lan trong cuộc cạnh tranh địa vị bá chủ mặt biển sau này. Điều đó cũng khác với nước Pháp, khi mà họ luôn coi trọng tính chất quý tộc, dù được cho phép cũng không tham gia vào các tàu buôn hay công việc buôn bán. Chính quyền mới của Anh đi theo

một quan điểm rất rõ ràng rằng địa vị quý tộc quan trọng nhưng sức mạnh nhà nước được đánh giá bằng đồng tiền nên việc hướng đến phát triển ngoại thương là một điều rất cần thiết¹¹

Trong hoàn cảnh hầu hết các quốc gia Tây Âu đều nhận thấy rõ vai trò của ngoại thương và tìm cách đầu tư, chiếm lĩnh những thị trường quan trọng như Địa Trung Hải, Baltic, Nga, Ấn Độ và sau đó là việc làm chủ Đại Tây Dương thì hoạt động ngoại thương không chỉ đơn thuần là một hoạt động kinh tế nữa. Bên cạnh những thương thuyền luôn là những hạm đội hùng mạnh bảo vệ nhằm chống lại sự chèn ép của quốc gia khác cũng như ngăn chặn nguy cơ cướp biển (nhiều lúc được sự bảo trợ của các chính phủ khác). Do đó, muốn phát triển ngoại thương không chỉ cần nền kinh tế phát triển, chính phủ vững mạnh, quan tâm đến phát triển thương mại mà còn cần cả những hạm đội. Với ý nghĩa đó, cuộc chạy đua trong xây dựng lực lượng hải quân giữa các quốc gia cũng chính là một biểu hiện của cuộc chạy đua giành thị trường buôn bán. Lên cầm quyền nhờ quân đội, thấu hiểu được nhu cầu của giai cấp tư sản, Cromwell đã tìm mọi cách để cải cách quân đội, trong đó có sự lưu ý đặc biệt đến hải quân. Nếu như trong thời kì nội chiến, ông chú tâm vào xây dựng lực lượng kị binh nhằm tạo ưu thế với phe đối lập thì sau khi nắm được quyền lực, chỉ có hải quân mới

⁹ http://vi.wikipedia.org/wiki/Oliver_Cromwell

¹⁰ Arthur M. Schlesinger, Jr, 2004, *The Almanac of American history, Niên giám lịch sử Hoa Kỳ*, Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 94-95.

¹¹ Alfred Thayer Mahan, 1889, *The influence of seapower upon history, 1660 – 1783*, Little, Brown and company, Boston, p.55.

giúp Anh thỏa mãn tham vọng và khát khao bành trướng quyền lực.

So với giai đoạn Charles I, Cromwell cũng có nhiều điều kiện thuận lợi tương tự để phát triển quân đội và ông đã đạt được những thành công lớn. Đầu tiên là việc ông nắm toàn bộ mọi quyền hành trong quân đội, do đó dễ dàng hơn trong việc đưa ra những chính sách cải cách quân đội. Những vị tướng tài như Monck, Deane và Robert Blake được ông điều động chỉ huy hải quân nhằm biến lực lượng này thực sự trở thành chuyên nghiệp, nòng cốt chứ không chỉ là một bộ phận nhỏ trong quân đội như thời phong kiến¹². Những cuộc cải cách hải quân bao gồm nhiều mặt như chế độ đi lính, chế tạo súng đại bác, chế tạo tàu chiến,... Đặc biệt, hệ thống đại bác hiện đại của hải quân Anh đã làm cho Hà Lan và Tây Ban Nha khiếp sợ. Đây cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của Anh trước Hà Lan trong cuộc Chiến tranh lần thứ Nhất (1652 - 1654).

Có thể nói, sau nội chiến, việc củng cố sức mạnh hải quân đã trở thành trọng tâm trong chính sách của Cromwell. Các xưởng đóng tàu mới được lập ra ở Portsmouth, Chatham, Deptford, Woolwich¹³. Trong giai đoạn 1649 - 1651, Anh đã đóng mới được

41 tàu chiến¹⁴, xây dựng một hạm đội với những ưu thế hơn hẳn hạm đội Hà Lan. Hải quân Anh được ủy thác nhiệm vụ làm chủ mặt biển và chinh phục những vùng đất mới. Chính lực lượng này đã giúp Oliver Cromwell đánh bại Nghị viện, thiết lập chế độ Bảo hộ công, chinh phục Scotland, Ireland, thiết lập Vương quốc Anh mới cũng như tiêu diệt những nhóm cướp biển ở Barbary và Dunkirk để bảo vệ sự phát triển của ngoại thương Anh. Một hệ quả quan trọng của việc phát triển hải quân là đưa Anh trở thành một trong 6 cường quốc tạo ra sự cân bằng sức mạnh trên biển: Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Pháp và Anh¹⁵. Nếu như năm 1630, tổng trọng tải của hải quân Anh là 31.000 tấn, Tây Ban Nha là 40-60.000 tấn, Hà Lan là 40.000 tấn thì đến năm 1650 đã có sự chuyển biến tích cực khi tỉ lệ giữa 3 nước lần lượt là 49.000 tấn, 25-35.000 tấn và 29.000 tấn¹⁶. Trong giai đoạn 1651 - 1660, hải quân Anh đã tăng thêm 200 tàu để củng cố thêm lực lượng¹⁷. Điều đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ của hải quân Anh so với các quốc gia cạnh tranh trực tiếp.

2. Vai trò mở rộng thị trường thương mại gắn với việc tăng cường xâm lược thuộc địa

¹⁴ G.Reynolds, 1976, *Command of the sea, the history and strategy of maritime empires*, Robert hale and company, London, tr. 179.

¹⁵ G.Reynolds, sdd, tr. 174.

¹⁶ David Jacobstein, Joost Sneller,..., 2004, *The Dutch republic: social, political and economic dynamics of World trade primacy*, tr.63.

¹⁷ Tiền Thừa Đán, (Đặng Thanh Tịnh d), 2005, *Thống sử nước Anh, Lao động xã hội, Hà Nội*, tr. 139.

¹² Corelli Barnett, 1974, *Britain and her army 1509 - 1970: amilitary, political and social survey*, Penguin books, Middlesex, p. 105.

¹³ Philippe Contamine, 2000, *War and competition between states*, European science foundation, Clarendon press, p. 88.

Để phát triển ngoại thương, Cromwell không chỉ tiến hành thu tóm quyền lực, cải cách hải quân mà còn tiến hành các hoạt động bành trướng lãnh thổ, xâm lược thuộc địa để mở rộng thị trường buôn bán của Anh. Lãnh thổ nước Anh trong thời kì nội chiến 1642 – 1649 chỉ bao gồm vùng đất England, xứ Wales và Scotland, trong đó xứ Wales là thuộc địa lâu năm của Anh, còn Scotland mới có sự thống nhất chính phủ với Anh năm 1603 với sự kiện James VI của Scotland kế vị ngai vàng của Nữ hoàng Anh Elizabeth I và trở thành James I của Anh. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa nhân dân Scotland và xứ Wales với chính quyền đã làm cho nước Anh mất ổn định, không tạo được điều kiện tốt nhất cho kinh tế phát triển. Do đó, quá trình Cromwell chinh phục các quốc gia láng giềng để thiết lập một vương quốc hùng mạnh năm 1653 là công lao to lớn của ông để củng cố và nâng cao sức mạnh cũng như địa vị của Anh ở châu Âu lúc đó.

Ireland là quốc gia đầu tiên bị Cromwell chinh phục. Ngày 15/8/1649, 12.000 quân Anh ồ ạt đổ bộ vào Ireland do quốc gia này đã kí hiệp ước với lực lượng Bảo hoàng Anh. Do sự không thống nhất trong lực lượng Bảo hoàng, quân đội kiểu mới của Cromwell đã liên tiếp giành được thắng lợi ở Drogheda, Wexford, Clonnel¹⁸. Chỉ trong thời gian ngắn, từ tháng 8/1649 đến 26/5/1650, quân đội kiểu mới của Cromwell đã chinh phục được những vùng đất quan trọng của Ireland,

chủ yếu là vùng đất phía đông, từ Drogheda kéo dài 30 dặm đến bắc Dublin và tới Cork ở miền Nam¹⁹. Cuộc chiến tranh du kích của nhân dân Ireland kéo dài đến năm 1652 thì thất bại khi thành lũy cuối cùng là Galway cũng bị sụp đổ trước quân đội Anh. Đây là sự kiện quan trọng, thúc đẩy quá trình sáp nhập các lãnh thổ khác vào Anh để tạo ra một vương quốc, một thị trường rộng lớn hơn và là cơ sở quan trọng cho sự phát triển của kinh tế. Bên cạnh đó, cũng cần thấy rằng Ireland thực chất đã bị biến thành một thuộc địa quan trọng, liền kề nước Anh và là một yếu tố quan trọng dẫn đến sự thành lập của đế quốc Anh sau này.

Công cuộc chinh phục Scotland cũng là một đóng góp to lớn của Cromwell đối với việc mở rộng thị trường thương mại của Anh. Đặc biệt, Hà Lan – kẻ thù thương mại trực tiếp của Anh lúc bấy giờ - đã giúp đỡ Charles II lên ngôi vua Scotland và chuẩn bị lực lượng tấn công Anh để giành lấy quyền lực đã mất. Charles đã đưa 14.000 quân, dưới sự chỉ huy của công tước Hamilton, Leslie tấn công sang Anh²⁰. Tuy nhiên, dưới sự chỉ huy của Cromwell, quân đội đã nhanh chóng đẩy lui được cuộc tấn công này và tiến vào Edinburgh, Dunbar, đánh bại quân đội Scotland. Đặc biệt, trong trận Worcester (8/1651), Cromwell đã huy động đến 30.000 quân²¹ bao vây và đập tan lực lượng quân đội

¹⁹ *The year 1649 was a climacteric watershed*, p. 3 tại www.olivercromwell.org/resources/cromwell_in_ireland.pdf

²⁰ William Russell, 1822, *History of modern Europe*, vol III, Philadelphia printed and published, p. 209.

²¹ William Russell, sđd, tr.209.

¹⁸ Những thành phố trú phủ nằm ở phía Đông, Đông Nam Ireland.

Scotland. Chiến thắng này có ý nghĩa vô cùng quan trọng khi lực lượng chống đối chủ yếu đã bị tiêu diệt (chỉ còn lại một số tàn dư sau đó bị tướng Monck truy quét), là điều kiện thuận lợi cho Anh sáp nhập hoàn toàn Scotland vào lãnh thổ của mình.

Như vậy, hai cuộc chiến tranh với Ireland và Scotland, mặc dù là những cuộc chiến tranh xâm lược, tàn sát đã man những người Thiên Chúa giáo (Ireland), nhưng đó lại là một thành công trong chính sách xâm lược thuộc địa, phục vụ mục tiêu phát triển ngoại thương của Oliver Cromwell. Hệ quả cụ thể của cuộc chiến này là sự hợp nhất ba quốc gia thành một thể thống nhất với sự cai trị của Bảo hộ công Oliver Cromwell. Xét trên khía cạnh mở rộng lãnh thổ, những vùng đất màu mỡ của Scotland và Ireland chính là những nguồn cung cấp quan trọng về lương thực, nguyên liệu cho sự phát triển công thương nghiệp Anh. Sự thống nhất chung một chính phủ cũng đưa Scotland và Ireland bước vào guồng quay của nền thương mại thế giới, phát huy được tối đa những điều kiện thuận lợi về tài nguyên và cảng biển ở hai quốc gia này. Các cảng như Peterhead, Aberdeen, Dundee (Scotland), Dublin (Ireland) và đặc biệt là hệ thống hơn 790 hòn đảo khác nhau của Scotland chính là cơ sở cho việc mở rộng tầm ảnh hưởng của thương mại Anh ra Đại Tây Dương, trực tiếp tạo những điều kiện thuận lợi trong sự cạnh tranh với Hà Lan, Pháp. Do đó, bên cạnh mặt trái là hành động xâm lược, cướp đất đai, tàn sát dân thường thì chúng ta cũng cần nhìn

nhận tác động tích cực của hai cuộc chiến tranh ở góc độ kinh tế. Thực chất, Scotland, Ireland đã trở thành những thuộc địa đặc biệt của Anh trong quá trình mở rộng, bành trướng thế lực ở nửa sau thế kỉ XVII.

Không chỉ nhằm nhe chiếm thuộc địa gần kề, Anh còn muốn chiếm đoạt đất đai trong lục địa châu Âu. Trường hợp điển hình nhất cho tham vọng đó là Dunkirk²². Trong cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha năm 1655, Anh đã thiết lập một liên minh với Pháp – điều mà chưa bao giờ đạt được trong thời kì trước đó. Tàu chiến Anh đã tham gia cùng quân đội Pháp, do Marshal Turenne chỉ huy, tiến vào Dunkirk thuộc vùng đất thấp của Tây Ban Nha²³. Dunkirk đã được nhượng lại cho Anh và trở thành thuộc địa quan trọng trong lục địa châu Âu của Anh. Với vị trí đắc địa này, Anh có khả năng kiểm soát tốt con đường thương mại ven bờ Đại Tây Dương cũng như ngăn chặn sự phát triển về ngoại thương của các quốc gia lục địa châu Âu như Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha. Việc chiếm đoạt thuộc địa này cho thấy tham vọng của Cromwell là không chỉ phát huy sức mạnh ở đại dương mà còn muốn kiểm chế sự phát triển thương mại của các cường quốc khác.

²² Dunkirk hay Dunkerque là một vùng đất nhỏ nằm ở phía bắc nước Pháp ngày nay, bên bờ eo Channel/Manche. Đây là nơi xảy ra sự tranh chấp quyết liệt giữa Tây Ban Nha, Pháp, Hà Lan, Anh bởi vị trí thuận lợi của nó. Nơi đây cũng là vùng đất hoạt động của những tên cướp biển thời cận đại bởi nó có khả năng khống chế tuyến đường thương mại ven bờ Đại Tây Dương của các quốc gia lục địa châu Âu.

²³ G.Reynolds, sđd, tr. 183.

Bên cạnh đó, Anh còn mở rộng ảnh hưởng ra nhiều khu vực khác nhau trên thế giới. Thuộc địa quan trọng mà chúng ta cần nhắc đến chính là Ấn Độ. Việc thành lập Công ty thương mại Đông Ấn London (Công ty Đông Ấn Anh) ngày 31/12/1600 đã tạo ra những tiền đề quan trọng cho quá trình mở rộng thuộc địa và thị trường thương mại của Anh. Những hoạt động của công ty thương mại này không chỉ giới hạn trong việc trao đổi buôn bán mà còn là xâm chiếm đất đai. Đến giai đoạn cầm quyền của Cromwell, hoạt động này được đẩy mạnh hơn nữa. Đến cuối thế kỉ XVII, Công ty Đông Ấn Anh đã chiếm được ba thủ phủ chính ở Madras, Bombay và Calcutta, giúp cho Anh "*bám chắc... vào vùng duyên hải Ấn Độ, không chệch mặt biển và uy hiếp địch thủ của mình, tiến lên độc chiếm tiểu lục địa Ấn Độ*"²⁴. Đặc biệt, Cromwell đã ép Bồ Đào Nha phải kí Hiệp ước tháng 7/1654, công nhận quyền buôn bán của Anh ở Đông Ấn Độ, từng bước loại bỏ địch thủ ra khỏi thị trường rộng lớn và quan trọng này. Trong quá trình xâm chiếm Ấn Độ, Anh cũng phải đối phó với sự cường thịnh của Công ty Đông Ấn Hà Lan. Vấn đề Ấn Độ do đó cũng trở thành một nội dung quan trọng trong Hiệp ước Westminster 1654 sau cuộc Chiến tranh Anh-Hà Lan lần thứ Nhất (1652-1654), buộc Công ty Đông Ấn Hà Lan bồi thường cho Công ty Đông Ấn Anh 85.000 bảng về vụ thảm sát Amboyna

năm 1623²⁵. Tuy nhiên, trong thời gian này, Anh mới củng cố hơn nữa những gì đã đạt được ở giai đoạn trước, vẫn chưa hoàn toàn nắm quyền "*chủ động*" trong việc xâm chiếm đất đai và giành ưu thế kinh doanh ở Ấn Độ so với các quốc gia khác như Bồ Đào Nha và Hà Lan.

Ngoài ra, Cromwell còn chủ trương gây chiến tranh với Tây Ban Nha để chiếm Jamaica. Tây Ban Nha là nước có nhiều tham vọng ở Tây Ấn và đã bắt giết nhiều dân định cư Anh tại khu vực này. Cromwell đã quyết định cử Venables và Penn chỉ huy quân đội trả thù và cũng nhằm mở rộng ảnh hưởng của Anh lên biển Bắc. Binh lính được tuyển chọn ở đảo Barbadoes²⁶ và Staint Christopher²⁷. Ban đầu, Anh liên minh với Bồ Đào Nha và đổ bộ vào bến cảng Tunis tại Porto Farina. Hải quân Anh tiến đến đảo Santo Domingo²⁸ và nhanh chóng chiếm được thành lũy, nhưng vấp phải chiến tranh du kích và thiệt hại mất 600 người²⁹. Nhưng Cromwell đã thành công trong việc chiếm Jamaica năm 1655, biến nơi đây trở thành lãnh thổ của những tên cướp biển người

²⁵ Trần Thị Thanh Vân, 2010, *Chính sách thực dân của Anh ở Ấn Độ từ thế kỉ XVII đến giữa thế kỉ XX*, Luận án tiến sĩ, Khoa Lịch sử, ĐHSP Hà Nội, tr. 41.

²⁶ Một đảo nhỏ ở Bắc Đại Tây Dương, ban đầu là thuộc địa của Bồ Đào Nha, đến năm 1625 trở thành thuộc địa của Anh.

²⁷ Lãnh thổ hải ngoại của Anh, thuộc quần đảo Leeward, vịnh Caribbean.

²⁸ Santo Domingo là thủ đô và thành phố lớn nhất của Cộng hòa Dominica. Đây là một thành phố có sự định cư lâu đời của người châu Âu và là nơi đồn trú đầu tiên của Tây Ban Nha ở châu Mỹ.

²⁹ F.A.Kirkpatrick, 1906, *Lectures on British colonization and empire, first series (1600 - 1783)*, London, p.49; William Russell, sdd, p.223.

²⁴ Nguyễn Thừa Hỷ, 1986, *Ấn Độ qua các thời đại*, Văn hóa, Hà Nội, tr.84.

Anh. Hành động cướp bóc được chính phủ cho phép nhưng không khuyến khích nhằm biến những tên cướp biển thành một lực lượng chống phá ngoại thương Tây Ban Nha. Những thương nhân Anh tại Jamaica thu lợi một phần từ việc buôn lậu với các thuộc địa Tây Ban Nha gần kề, một phần là từ những hàng hóa cướp bóc được³⁰. Ngoài việc tranh giành thuộc địa, Anh còn tiến hành nhiều hoạt động quân sự khác làm suy yếu đối thủ và nâng cao vị thế của mình. Sau khi giành thắng lợi tại Jamaica, hải quân Anh tiếp tục tuần tra và bao vây Cadiz³¹, tấn công 16 tàu Tây Ban Nha (6 tàu chở hàng và 10 tàu hộ tống) tại vịnh Santa Cruz³², cướp bóc hàng hóa và phá hủy hết tàu hộ tống. Việc sử dụng cả hải quân và những tên cướp biển để tấn công, quấy nhiễu việc buôn bán của thương nhân Tây Ban Nha đã góp phần không nhỏ vào việc giúp nước Anh vượt lên trên đối thủ trong các hoạt động ngoại thương.

Đối với những thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, chính sách cơ bản của Cromwell là tiếp tục duy trì ảnh hưởng của “*chính quốc*” và từng bước lấn chiếm những vùng đất mới. Ngay từ năm 1650, tàu bè nước ngoài đã bị cấm ra vào buôn bán ở các thuộc địa này khi chưa có giấy phép³³. Khi chiến tranh Anh-Hà Lan nổ ra, những mâu thuẫn giữa Liên hiệp các thuộc địa New England và thuộc địa New Netherland đã trở nên căng thẳng. Tuy nhiên,

Anh không trực tiếp nhúng tay vào những hành động gây hấn với Hà Lan tại khu vực này mà thường sử dụng quân đội bản địa. Năm 1653, quân đội thuộc địa Connecticut đã tấn công và chiếm giữ doanh trại của quân Hà Lan tại pháo đài Good Hope, Hartford (Connecticut). Quân đội chính quốc luôn được đặt trong tình trạng sẵn sàng, nhưng chưa một lần tham chiến để mở rộng thuộc địa. Như vậy, trong giai đoạn của Cromwell, những thuộc địa ở Bắc Mỹ tương đối ổn định, hầu như không có sự thay đổi lớn bởi ông đang chú trọng vào việc giữ gìn ảnh hưởng của chính quốc.

Ngoài ra, Anh còn để ý đến vùng đất Canada rộng lớn phía trên những thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Đây là vùng đất mà người Pháp đã đặt được những cơ sở ban đầu cho sự thống trị của họ. Năm 1654, Cromwell cử một đoàn thám hiểm đến khu vực này và chiếm giữ Port Royal³⁴, mở ra một quá trình xâm nhập mới của Anh vào vùng đất này. Sau đó, Anh chiếm cả Nova Scotia, New Brunswick (Canada). Cùng với những thuộc địa khác như Saint Helena³⁵, hệ thống thuộc địa của Anh trong giai đoạn cầm quyền của Oliver Cromwell đã có bước phát triển mới và đóng góp phần lớn vào những thành công

³⁰ F.A.Kirkpatrick, sđd, tr.50.

³¹ Thành phố cảng ở tây nam Tây Ban Nha.

³² Một thành phố của California (Mỹ) ngày nay, và là một trong những khu định cư đầu tiên của Tây Ban Nha ở châu Mỹ.

³³ Arthur M.Schlesinger, Jr, sđd, tr. 94.

³⁴ F.A.Kirkpatrick, sđd, tr.56. Đây là thành phố thủ đô của Acadia (thuộc địa Pháp lập ra ở Canada bao gồm các tỉnh đông bắc Bắc Mỹ như Đông Quebec, các tỉnh ven biển, nay là New England và kéo dài xuống Philadelphia). Hiện nay Port Royal là một vùng nông thôn thuộc tỉnh Nova Scotia (Canada).

Cần có sự phân biệt với Port Royal thuộc Jamaica, vốn là một thuộc địa cũ của Tây Ban Nha.

³⁵ Một đảo núi lửa nằm ở Nam Đại Tây Dương, là lãnh thổ hải ngoại của Anh và cũng là nơi lưu đày Napoleon Bonaparte giai đoạn 1815 – 1821.

của nền ngoại thương. Có thể nói, chỉ trong một thời gian ngắn cầm quyền, ông đã liên tiếp thành công trong việc mở rộng xâm lược thuộc địa ở hầu khắp các khu vực trên thế giới, tạo đà cho công cuộc chinh phục những vùng đất mới và bành trướng thế lực sau này. Những thuộc địa đó đã trở thành những thị trường quan trọng trong toàn bộ hệ thống thương mại khép kín của Anh.

3. Vai trò của cuộc cạnh tranh thương mại Anh - Hà Lan

Với sự suy yếu từng bước của Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, từ nửa sau thế kỉ XVII, kẻ thù chủ yếu của Anh trong việc chinh phục mặt biển chính là Hà Lan và Pháp. Do Pháp vẫn tập trung vào xây dựng một cường quốc trong lục địa châu Âu và bị thiệt hại nhiều sau chiến tranh 30 năm (1618 - 1648) nên "*kẻ chớ hàng trên biển*" chính là kẻ thù cạnh tranh trực tiếp với Anh quốc. Sau khi giành được độc lập từ Tây Ban Nha, những thương nhân Hà Lan đã phát huy hết thế mạnh của mình để mở rộng thương mại và được ví với những thương nhân Phoenicia nổi tiếng. Hà Lan chiếm những vùng rộng lớn trong nền thương mại trung chuyển châu Âu, và cả sự vận chuyển từ vùng đất mới sang Tây Ban Nha với giá trị thương mại hàng năm là 36 triệu Francs. Những quốc gia phía Bắc như Brandenburg, Đan Mạch, Thụy Điển, Muscovy (Công quốc Matxcova) hay Ba Lan và khu vực Baltic đều mở cửa cho Hà Lan và

trở thành thị trường của họ³⁶. Những thương nhân Hà Lan chiếm tới 50% giá trị thương mại của Anh và hoạt động ở khắp các hải cảng của Anh trong những năm đầu thế kỉ XVII³⁷. Người Anh đứng trước sự cạnh tranh đó đã phải công nhận rằng "*kinh tế của Hà Lan đã làm tổn thương lớn đến thanh danh và ngoại thương của chúng ta*"³⁸. Sự thua kém về quyền lợi thương mại đã khiến những thương nhân Anh thúc giục chính phủ tiến hành một cuộc chiến tranh chống lại Hà Lan, tạo điều kiện cho thương mại Anh phát triển.

Ban đầu, Cromwell đưa ra Đạo luật Hộ tống năm 1650 (Convoy Act), cho phép Chính phủ được can thiệp vào công việc thương mại nhằm bảo đảm sự an toàn cho những chuyến hàng của Anh. Ngay năm sau đó, Đạo luật Hàng hải thứ Nhất (Navigation Act) tiếp tục được ông ban bố. Theo đó, không một hàng hóa nào từ châu Á, châu Phi, châu Mỹ hay bất cứ quốc gia nào ở châu Âu được nhập khẩu vào Anh, trừ những hàng hóa được chuyên chở trên tàu của Anh hay được sản xuất ra ở các thuộc địa của Anh³⁹. Đó thực sự là một đòn giáng mạnh vào công việc và tham vọng của Hà Lan - một cường quốc thương nghiệp luôn chú trọng phát triển việc chuyên chở hàng hóa giữa các quốc gia. Cromwell muốn thông qua đạo luật này

³⁶ Alfred Thayer Mahan, 1889, *The influence of seapower upon history, 1660 - 1783*, p. 84.

³⁷ Clement Jones, 1922, *British merchant shipping*, Edward Arnold and company, London, p.13.

³⁸ Alfred Thayer Mahan, sdd, tr. 64.

³⁹ William Rusell, sdd, tr. 212

nhằm phá bỏ một phần quan trọng làm nên thành công của đế quốc thương mại Hà Lan, tạo điều kiện cho thương nhân Anh mở rộng hoạt động. Hành động này đã đưa đến cuộc chiến tranh thương mại giữa hai cường quốc lúc đó.

Có thể nói cả Anh và Hà Lan là những quốc gia đầu tiên quan tâm đến vị thế bá chủ trên biển⁴⁰. Cuộc Chiến tranh Anh – Hà Lan lần thứ Nhất (1652 - 1654) chính là cuộc đối đầu giữa một thế lực truyền thống và một hệ thống quân đội mới để tranh giành ảnh hưởng trên biển. Tuy nhiên, Hà Lan bước vào cuộc chiến này với nhiều bất lợi, còn Anh lại hoàn toàn chủ động. Liên hiệp các tỉnh có sự rạn vỡ khi mà 5 bang trong Bộ Hải quân, đặc biệt khi Hà Lan và Zeeland yêu cầu đưa William III còn rất trẻ lên làm Tổng Chỉ huy chung⁴¹. Hà Lan đã sai lầm trong quá trình chiến tranh khi giữ lại từ 100 đến 400 tàu chiến ở khu vực Baltic, Địa Trung Hải và phương Đông để bảo vệ việc buôn bán, mặc dù hải quân Anh đã uy hiếp nghiêm trọng lãnh thổ ở châu Âu. Ngược lại, Cromwell, Nghị viện, Chính phủ Anh có sự thống nhất trong mục tiêu chiến tranh và đến năm 1653 thì thống nhất trong cả quyền lực. Ông đã nhận thức rõ đây là một cuộc chiến tranh thương mại nên cách tốt nhất để phá hoại nền thương mại Hà Lan là phá hủy tàu chiến – những đội hộ tống tối quan trọng cho những thương thuyền chở hàng. Do đó, hạm

đội Anh được tập trung trước hết ở eo Dover⁴² – cửa ngõ của châu Âu lục địa, dưới sự chỉ huy chung của tư lệnh Robert Blake.

Mục tiêu mà Anh đặt ra về mặt chiến lược là thay thế cơ bản vị thế trên biển của Hà Lan khắp thế giới. Về phương thức tác chiến, Anh thực hiện một loạt những cuộc hành quân bao gồm các hoạt động như phong tỏa, tàn phá, và bắn phá những đường bờ biển của Hà Lan. Toàn bộ hạm đội phải đặt dưới sự chỉ huy của những đô đốc vĩ đại nhất lúc đó⁴³. Với việc vạch rõ chiến lược và phương pháp tác chiến, cũng như sử dụng đúng đắn nhân tài, hải quân Anh tổng cộng đã giao chiến với Hà Lan 8 trận: Goodwin Sands, Plymouth, Kentish Knock, Dungenes, Portland, Leghorn, Gabbard Bank, Scheveningen. Các trận tiêu biểu là: Kentish Knock (phía bắc eo Dover) ngày 28/09/1652, khi 72 tàu chiến Hà Lan do đô đốc Witt de With và Michiel Adriaenszoon de Ruyter chạm trán 68 tàu chiến Anh do Robert Blake và William Penn chỉ huy. Chiến thắng của Anh trong trận này đã đem đến “*sự kiểm soát hoàn toàn eo biển, nghĩa là phong tỏa Amsterdam và những cảng khác của Hà Lan và làm băng giá mọi hoạt động thương mại của đế quốc này*”⁴⁴ Trận chiến Gabbard

⁴² Một hải cảng nằm ở Đông Nam nước Anh, đối diện trực tiếp với nước Pháp thông qua eo Channel/Manche, do đó có khả năng không chế được mọi hoạt động của hạm đội đối thủ ở phía bên kia eo biển này.

⁴³ James J. Tritton, 1995, *A doctrine reader: the navies of United States, Great Britain, France, Italy, and Spain*, Newport, Rhode island, p.3.

⁴⁴ G.Reynolds, sdd, tr.181.

⁴⁰ G.Reynolds, sdd, tr.180.

⁴¹ G.Reynolds, sdd, tr.180.

Bank (23/06/1653). 100 tàu chiến của Anh đã làm choáng váng toàn bộ hạm đội Hà Lan, khiến cho việc bao vây, phong tỏa tiếp tục được thực hiện, gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế Hà Lan. Trận chiến cuối cùng tại Scheveningen (31/07/1653) đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của Hà Lan khi mất đến 1.500 thủy thủ và 14 tàu chiến cùng với đô đốc của họ là Maarten Tromp Harpertszoon⁴⁵. Kết quả chung của cuộc chiến tranh thương mại là sự thắng thế của Anh trên nhiều phương diện, đưa đến sự thiết lập và bành trướng thuộc địa, thị trường thương mại ở nhiều khu vực vốn là của Hà Lan.

Với chiến thắng trước kẻ cạnh tranh nguy hiểm và trực tiếp nhất lúc bấy giờ là Hà Lan, vị thế của Anh được nâng lên đáng kể, không chỉ trên lĩnh vực chính trị, quân sự mà kéo theo đó là vấn đề thuộc địa, thương mại. Thất bại đó buộc Hà Lan phải kí Hiệp ước hòa bình Westminster năm 1654. Theo Hiệp ước này, Hà Lan phải chấp nhận Đạo luật Hàng hải 1651, trả chiến phí cho những tàu chiến của Anh, đền bù cho những thiệt hại của thương mại Anh tại Đông Ấn, phục tùng việc treo cờ Anh tại eo biển Channel/Manche và nhiều yêu cầu khác của Anh về thương mại⁴⁶. Anh cũng tịch thu được 1.700 tàu chiến để phát triển hơn nữa hạm đội của mình⁴⁷. Đặc biệt, Anh thu được nhiều lợi ích thương mại khi xâm nhập vào những khu vực vốn chịu ảnh hưởng của Hà Lan và tranh

đoạt được vai trò chuyên chở tại nhiều khu vực khác nhau. Có thể nói, cuộc Chiến tranh thương mại với Hà Lan lần thứ Nhất là thành công lớn của Cromwell trong chính sách trọng thương mà ông cùng với giới cầm quyền Anh đang theo đuổi. Nó đã tạo ra tiền đề lớn cho việc tiếp tục đánh hạ các địch thù khác, đưa Anh vươn lên vị thế bá chủ mặt biển trong giai đoạn sau đó.

Kết luận

Mặc dù chỉ nắm quyền lực trong một giai đoạn ngắn, nhưng Oliver Cromwell đã để lại dấu ấn đậm nét khi mang lại cho nước Anh những thành công nhất định trong việc phát triển ngoại thương. Những chính sách của ông, từ việc thiết lập chính quyền “độc tài”, xây dựng quân đội, đưa quân đi xâm lược hay gây chiến tranh với các cường quốc khác, đã chứng tỏ được vai trò và giá trị to lớn trong một thời kì lịch sử. Sau mấy năm nội chiến, nước Anh đã hoàn toàn khác hẳn so với trước đó và từng bước vươn lên khẳng định địa vị của mình trong việc kiểm soát mặt biển. Đây chính là những bước đi ban đầu giúp cho nước Anh sau này hoàn toàn nắm quyền bá chủ mặt biển khi loại bỏ được mọi đối thủ cạnh tranh. Chính Cromwell chứ không phải ai khác là người đặt nền móng cho chính quyền tư sản Anh trong quá trình cạnh tranh với các cường quốc khác để khẳng định vị thế của mình trong nền thương mại thế giới, và hơn thế nữa là trở thành bá chủ mặt biển trong các thế kỉ sau đó.

⁴⁵ G.Reynolds, sdd, tr.182.

⁴⁶ William Russell, sdd, tr.222.

⁴⁷ Tiền Thừa Đán, sdd, tr.139.